Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3822.11.00

Mã HS	3822.11.00
Mô tả hàng hóa	Chất thử chẩn đoán bệnh hoặc chất thử thí nghiệm có lớp bồi, chất thử chẩn đoán hoặc chất thử thí nghiệm được điều chế có hoặc không có lớp bồi, có hoặc không đóng gói ở dạng bộ, trừ loại thuộc nhóm 30.06; các mẫu chuẩn được chứng nhận (1) / - Chất thử chẩn đoán bệnh hoặc chất thử thí nghiệm có lớp bồi, chất thử chẩn đoán hoặc chất thử thí nghiệm được điều chế có hoặc không có lớp bồi, có hoặc không đóng gói ở dạng bộ: / - - Cho bệnh sốt rét
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	09/11/2026 22:21:13
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/38221100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5478
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5478
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5478
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5344
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5305
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5305
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5305
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5305
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5305
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5305
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5349
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5349
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5349
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5349

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5349
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5349
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5347
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5347
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5347
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5347
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5347
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5347
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5349
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5311
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5307
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5307
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5307
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5307
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5307
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5307
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5316
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5316
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5316
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5316
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5316
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5316
VCFTA	2022	2022	0	VC!D5357
VCFTA	2023	2023	0	VC!E5357
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5357
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5357

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5357
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5357
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5358
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5358
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5358
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5358
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5358
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5358
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D769
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E769
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5361
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5361
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5361
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5361
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5361
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5361
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D5330
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5330
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5330
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5330
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5330
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5330
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D5332
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5332
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5332
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5332

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5332
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5332
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5330
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5330
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5330
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5330
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5330
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5330
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5330
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5351
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5351
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5351
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5351
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5351
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5351
RCEP B	2022	2022	0	B!D5351
RCEP B	2023	2023	0	B!E5351
RCEP B	2024	2024	0	B!F5351
RCEP B	2025	2025	0	B!G5351
RCEP B	2026	2026	0	B!H5351
RCEP B	2027	2027	0	B!I5351
RCEP C	2022	2022	0	C!D5351
RCEP C	2023	2023	0	C!E5351
RCEP C	2024	2024	0	C!F5351
RCEP C	2025	2025	0	C!G5351
RCEP C	2026	2026	0	C!H5351

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I5351
RCEP D	2022	2022	0	D!D5351
RCEP D	2023	2023	0	D!E5351
RCEP D	2024	2024	0	D!F5351
RCEP D	2025	2025	0	D!G5351
RCEP D	2026	2026	0	D!H5351
RCEP D	2027	2027	0	D!I5351
RCEP E	2022	2022	0	E!D5354
RCEP E	2023	2023	0	E!E5354
RCEP E	2024	2024	0	E!F5354
RCEP E	2025	2025	0	E!G5354
RCEP E	2026	2026	0	E!H5354
RCEP E	2027	2027	0	E!I5354
RCEP F	2022	2022	0	F!D5351
RCEP F	2023	2023	0	F!E5351
RCEP F	2024	2024	0	F!F5351
RCEP F	2025	2025	0	F!G5351
RCEP F	2026	2026	0	F!H5351
RCEP F	2027	2027	0	F!I5351
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4922
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4922
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4922
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4922

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 3822.11.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 3822.11.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3822.11.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3822.11.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5478), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.